

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Xuân Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tư

Bà Âu Thị Ngọc Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Trần Khắc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Bùi Thị Ngọc M, sinh năm: 1994 tại tỉnh Tiền Giang. HKTT: Ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Bùi Văn H (1960, đã chết), mẹ là Bùi Thị C (1960, đã chết); Chồng là Đoàn Thanh N (1984, đã ly hôn); Chồng là Đặng Linh V (1993); Chung sống như vợ chồng với Nguyễn Ngọc D (1995); có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2023); Tiền án: 01 lần. Ngày 09/8/2023, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự, hiện chưa chấp hành xong thời gian thử thách; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Bị tạm giữ từ ngày 18/12/2023 đến ngày 21/12/2023; Bị khởi tố điều tra tại ngoại. (Có mặt)

2. Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1995 tại tỉnh Tiền Giang. HKTT: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Nguyễn Văn M (1961), mẹ là Nguyễn Thị N (1964); Chưa có vợ con; Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2023 cho đến nay. (Có mặt)

- **Bị hại:** Võ Hữu B, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Trần Minh T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Ngọc M và Nguyễn Ngọc D sống chung như vợ chồng, M có 01 tiền án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Vào khoảng 22 giờ ngày 16/12/2023, D điều khiển xe mô tô biển số 67B1-117.24 chở Mai đi từ nhà của M ở ấp 2, xã A, huyện C đến nhà bạn ở xã T, huyện C chơi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả hai đến cơ sở thu mua chanh của anh Võ Hữu B, sinh năm 1980 ở ấp 3, xã T, huyện C, M nhìn thấy phía trước cơ sở thu mua chanh có 03 giỏ gân màu vàng cam bên trong có 100kg chanh bông tím, loại chanh dẹt nên M rủ D trộm cắp chanh bán lấy tiền tiêu xài, D đồng ý. D dừng xe lại và cùng với M trộm cắp 02 giỏ chanh chở về nhà M. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 67B1-117.24 chở M quay lại cơ sở thu mua chanh của anh B để tiếp tục trộm cắp 01 giỏ chanh còn lại và chở về nhà cất giấu. Lo sợ bị phát hiện, khoảng 09 giờ cùng ngày, D để tất cả số chanh trộm cắp được vào 03 giỏ gân của M; còn 03 cái giỏ gân trộm cắp của anh B cất tại nhà M. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 67B1-117.24 chở M và 03 giỏ chanh đến bán cho cơ sở thu mua chanh của anh Trần Minh T, sinh năm 1983 ở ấp 3, xã T, huyện C cách cơ sở thu mua chanh của anh B khoảng 100 mét (anh T là em rể của anh B) với giá 10.000 đồng/01 kg, được số tiền 1.000.000 đồng, M và D tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 22 giờ ngày 17/12/2023, Nguyễn Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 67B1-117.24 chở Bùi Thị Ngọc M tiếp tục đến cơ sở thu mua chanh của anh Võ Hữu B, M nhìn thấy phía trước có để 05 giỏ gân màu vàng cam bên trong có 229,5kg chanh bông tím, loại chanh sô (chanh chưa qua phân loại), M rủ D trộm cắp chanh của anh B bán lấy tiền tiêu xài, D đồng ý. D dừng xe lại và cùng với M trộm cắp 01 giỏ chanh để lên phía trước xe mô tô biển số 67B1-117.24, trộm 01 giỏ chanh để trên yên xe phía sau, rồi điều khiển xe về nhà M cất chanh vừa trộm được. Sau đó, D và M lấy 01 khúc gỗ (đòn gánh dùng để chở đồ) quay lại cơ sở thu mua chanh của anh B. Cả hai trộm 02 giỏ chanh treo lên khúc gỗ để trên xe mô tô biển số 67B1-117.24, trộm 01 giỏ chanh rồi để trên yên xe phía sau rồi chở về nhà cất giấu. Để tránh sự nghi ngờ của người khác, M và D để chanh trong 03 giỏ chanh màu vàng trộm cắp được vào 03 giỏ gân của M. Khoảng 09 giờ ngày 18/12/2023, D chở M cùng 03 giỏ chanh trộm được đến bán cho anh T. Lúc này, anh T nghi ngờ chanh do M và D trộm cắp của anh B nên kêu M và D chở tiếp 02 giỏ chanh còn lại đến bán, anh T thông báo cho anh B rồi anh B trình báo Công an xã T. Khi M và D chở 02 giỏ chanh còn lại đến bán cho anh T thì bị Công an xã T làm việc. M và D thừa nhận hành vi trộm cắp chanh của anh B nên Công an xã T tạm giữ vật chứng.

Bản kết luận định giá tài sản số 135/KLĐG-TTHS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện C xác định: 229,5 kg, chanh bông tím, loại chanh sô (chanh chưa qua phân loại) trị giá 4.351.000 đồng; 100kg chanh bông tím, loại chanh dạt (chanh đã phân loại) trị giá 600.000 đồng; 08 giỏ gân có quai hai bên loại 17 dây, sức chứa khoảng 45kg trị giá 416.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.034.200 đồng.

Đối với anh Trần Minh T có hành vi mua chanh của Bùi Thị Ngọc M và Nguyễn Ngọc D, tuy nhiên anh T không biết chanh do M và D trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Quá trình điều tra, bị can Bùi Thị Ngọc M thành khẩn khai báo, bị can Nguyễn Ngọc D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngày 29/02/2024, Viện kiểm sát tiến hành hỏi cung bị can Bùi Thị Ngọc M và Nguyễn Ngọc D có ghi hình có âm thanh được lưu vào đĩa DVD, niêm phong và đưa vào hồ sơ vụ án. Cả hai đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập và vật chứng thu giữ.

Bị can Bùi Thị Ngọc M được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội thuộc trường hợp tái phạm; bị can Nguyễn Ngọc D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Vật chứng trong vụ án gồm:

- 229,5 kg, loại chanh bông tím, loại chanh sô chưa qua phân loại;
- 06 giỏ bằng gân màu vàng cam;
- 01 xe mô tô biển số 67B1-117.24;
- 01 thanh gỗ dài 1,2 mét.

Về xử lý vật chứng: Ngày 18/12/2023, Cơ quan điều tra đã trao trả 229,5 kg, loại chanh bông tím, loại chanh sô chưa qua phân loại và 06 giỏ gân màu vàng cho anh Võ Hữu B. Đối với xe mô tô biển số 67B1-117.24, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ nguồn gốc, sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Võ Hữu B không yêu cầu các bị can phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 29/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Bùi Thị Ngọc M và Nguyễn Ngọc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc M và Nguyễn Ngọc D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 56, 58, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo M từ 18 - 24 tháng tù, tổng hợp hình phạt 01 năm tù của bản án số 58/2023/HS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D từ 12 -15 tháng tù; Tịch thu tiêu hủy 01 thanh gỗ dài 1,2 mét; Buộc bị cáo M, bị cáo D phải liên đới giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Thị Ngọc M và Nguyễn Ngọc D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng lại thiếu nhận thức về an ninh, trật tự xã hội. Xuất phát từ việc lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại lấy trộm tài sản của bị hại như đã trình bày trên tại phần nội dung vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo M và bị cáo D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo M có vai trò là người rủ rê và thực hành hành vi phạm tội; bị cáo D đi chung với bị cáo M nhưng không khuyên ngăn mà còn là đồng phạm có vai trò thực hành tích cực hành vi phạm tội cùng với bị cáo M.

[3] Xét về nhân thân:

Bị cáo M chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; trong khi bị cáo có 01 tiền án là ngày 09/8/2023, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự, hiện tại bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách và trong thời gian thử thách của án treo thì bị cáo không ăn năn, không thay đổi để trở thành công dân tốt mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm tài sản của bị hại Võ Hữu B như cáo trạng đã nêu trên tại phần nội dung vụ án nên bị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Điều này, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo M nên cần phải xử lý nghiêm.

Đồng thời, căn cứ khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự quy định “*Trong thời gian thử thách,...Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.*” thì bị cáo M phải chấp hành hình phạt 01 năm tù của bản án số 58/2023/HS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.”

Đối với bị cáo D thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo D là đồng phạm có vai trò thực hành tích cực hành vi phạm tội cùng với bị cáo Mai.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo đều đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố

ý thực hiện nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt thích đáng, nghiêm khắc để nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có trách nhiệm, có ích cho xã hội. Do đó, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào mức độ thực hiện hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo như phân tích trên để lượng hình phù hợp đối với từng bị cáo đúng luật định.

Hai bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc bán chanh là 1.000.000 đồng nhưng đã tiêu xài cá nhân hết nên buộc hai bị cáo phải liên đới giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính này vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với anh Trần Minh T có hành vi mua chanh của bị cáo M và bị cáo D, tuy nhiên anh T không biết chanh do M và D trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về vật chứng:

01 thanh gỗ dài 1,2 mét là phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Ngày 18/12/2023, Cơ quan điều tra đã trao trả 229,5 kg, loại chanh bông tím, loại chanh sô chưa qua phân loại và 06 giỏ gân màu vàng cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với xe mô tô biển số 67B1-117.24, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ nguồn gốc, sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ nhưng chưa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử về mức xử phạt đối với bị cáo D.

Xét trong quá trình điều tra, truy tố phía Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Ngọc M, Nguyễn Ngọc D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, 17, 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, 56, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị Ngọc M** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc M phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm tù của bản án số 58/2023/HS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.”

Tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Bùi Thị Ngọc M là **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giữ bị cáo từ ngày 18/12/2023 đến ngày 21/12/2023).

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, 17, 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc D **09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

01 thanh gỗ dài 1,2 mét.

* Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc M, Nguyễn Ngọc D phải liên đới giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Thị Ngọc M, Nguyễn Ngọc D thì mỗi bị cáo có tên vừa nêu phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tænh Tieàn Giang;
- TÒA**
- VKSND huyeãn Caùi Beø;
- Công an huyện Cái Bè;
- Chi cuïc THADS huyeãn Caùi Beø;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

